ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐẠI ĐỒNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập -Tự do - Hạnh phúc
Số: 262 /BC-UBND	*Đại Đồng, ngày 08 tháng 6 năm 2026*

BÁO CÁO
Về thực trạng bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông

Kính gửi: Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hưng Yên.

Thực hiện Công văn số 1719/SGDĐT-TCCB ngày 02/6/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc rà soát công tác bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương giáo viên mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên, Ủy ban nhân dân xã Đại Đồng báo cáo như sau:

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục theo hạng chức danh nghề nghiệp và tương đương

1.1. Đối với cơ sở giáo dục mầm non

STT	Chức danh	Mã số, mã ngạch	Số lượng	Ghi chú
1	Giáo viên mầm non hạng I và tương đương	Tổng	0	
1.1		Mã số V.07.02.24		
1.2		Khác		Liệt kê các chức danh, mã số; nêu lý do giáo viên giữ các chức danh và mã này
2	Giáo viên mầm non hạng II và tương đương	Tổng		
2.1		Mã số V.07.02.25	14	
2.2		Mã số V.07.02.04		
2.3		Mã số 15a.205		
2.4		Khác		Liệt kê các chức danh, mã số; nêu lý do giáo viên giữ các chức danh và mã này
3	Giáo viên mầm non hạng III và tương đương	Tổng	85	
3.1		Mã số V.07.02.26	85	
3.2		Mã số V.07.02.05		
3.3		Mã số 15a.206		

STT	Chức danh	Mã số, mã ngạch	Số lượng	Ghi chú
3.4		Khác		Liệt kê các chức danh, mã số; nêu lý do giáo viên giữ các chức danh và mã này
4	Giáo viên mầm non hạng IV và tương đương	Tổng	0	
4.1		Mã số V.07.02.06		
4.2		Mã số 15.115		
4.3		Khác		Liệt kê các chức danh, mã số; nêu lý do giáo viên giữ các chức danh và mã này

1.2. Đối với cơ sở giáo dục tiểu học *(bao gồm cả trường phổ thông bán trú cấp tiểu học)*

STT	Chức danh	Mã số, mã ngạch	Số lượng	Ghi chú
1	Giáo viên tiểu học hạng I và tương đương	Tổng	0	
1.1		Mã số V.07.03.27		
1.2		Khác		Liệt kê các chức danh, mã số; nêu lý do giáo viên giữ các chức danh và mã này
2	Giáo viên tiểu học hạng II và tương đương	Tổng	16	
2.1		Mã số V.07.03.28	16	
2.2		Mã số V.07.03.07		
2.3		Mã số 15a.203		
2.4		Khác		Liệt kê các chức danh, mã số; nêu lý do giáo viên giữ các chức danh và mã này
3	Giáo viên tiểu học hạng III và tương đương	Tổng	83	
3.1		Mã số V.07.03.29	82	
3.2		Mã số V.07.03.08	1	Do chưa có bằng đại học
3.3		Mã số 15a.204		
3.4		Khác		Liệt kê các chức danh, mã số; nêu lý do giáo viên giữ các chức danh và mã này
4	Giáo viên tiểu học hạng IV và tương đương	Tổng	1	

STT	Chức danh	Mã số, mã ngạch	Số lượng	Ghi chú
4.1		Mã số V.07.03.09	1	
4.2		Mã số 15.114		
4.3		Khác		

1.3. Đối với cơ sở giáo dục trung học cơ sở *(bao gồm cả trường liên cấp tiểu học, trung học cơ sở; trường bán trú; trường nội trú)*

STT	Chức danh	Mã số, mã ngạch	Số lượng	Ghi chú
1	Giáo viên trung học cơ sở hạng I và tương đương	Tổng	0	
1.1		Mã số V.07.04.30		
1.2		Mã số V.07.04.10		
1.3		Mã số 15.112		
1.4		Khác		Liệt kê các chức danh, mã số; nêu lý do giáo viên giữ các chức danh và mã này
2	Giáo viên trung học cơ sở hạng II và tương đương	Tổng	18	
2.1		Mã số V.07.04.31	16	
2.2		Mã số V.07.04.11	2	
2.3		Mã số 15a.201		
2.4		Khác		Liệt kê các chức danh, mã số; nêu lý do giáo viên giữ các chức danh và mã này
3	Giáo viên trung học cơ sở hạng III và tương đương	Tổng	66	
3.1		Mã số V.07.04.32	57	
3.2		Mã số V.07.04.12	8	
3.3		Mã số 15a.202		
3.4		Khác	1	Mã số V.07.03.08 Giáo viên TH hạng III do biên chế TH

2. Số lượng giáo viên thuộc đối tượng bổ nhiệm lại theo quy định tại khoản 12 Điều 5 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT[1] (Không bao gồm các trường hợp được bổ nhiệm hạng cao khi tuyển dụng, tiếp nhận theo chính sách

[1] Khoản 12 Điều 5 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT: "*Kể từ ngày 03 tháng 11 năm 2015 đến ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, trường hợp giáo viên mầm non, phổ thông được bổ nhiệm vào hạng cao hơn sau khi hết thời gian tập sự hoặc sau khi đạt trình độ đào tạo cao hơn trình độ quy định nhưng chưa đáp ứng các tiêu chuẩn khác cũng như chưa trúng tuyển trong kỳ thi hoặc xét thăng hạng do cấp có thẩm quyền tổ chức thì phải thực hiện bổ nhiệm lại vào đúng hạng theo quy định (bao gồm cả trường hợp tuyển dụng trước ngày 03 tháng 11 năm 2015 và hoàn thành thời gian tập sự theo quy định sau ngày 03 tháng 11 năm 2015)*".

thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ, chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng, chính sách tuyển dụng đặc cách theo quy định của pháp luật hoặc chính sách đặc thù của địa phương, cơ sở giáo dục tại thời điểm tuyển dụng, tiếp nhận)

Cấp học	**Tổng số giáo viên thuộc đối tượng bổ nhiệm lại theo quy định tại khoản 12 Điều 5 Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT**	**Số giáo viên đã thực hiện việc bổ nhiệm lại**		**Số giáo viên chưa thực hiện việc bổ nhiệm lại**
		Số giáo viên bổ nhiệm lại được giữ hoặc tăng hệ số lương (thời điểm bổ nhiệm lại)	*Số giáo viên bổ nhiệm lại giảm hệ số lương (thời điểm bổ nhiệm lại)*	
Cơ sở giáo dục mầm non			1	
Cơ sở giáo dục tiểu học			21	
Cơ sở giáo dục trung học cơ sở		5		
Tổng cộng		5	22	

3. Số giáo viên đủ điều kiện bổ nhiệm hạng tương ứng theo quy định tại Thông tư số 01,02,03,04/2021/TT-BGDĐT và Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT nhưng do hết chỉ tiêu hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định của địa phương nên đã được bổ nhiệm xuống hạng thấp hơn liền kề (không bao gồm trường hợp bổ nhiệm lại nêu tại mục 2)

Cấp học	**Tổng cộng**	**Bổ nhiệm từ hạng I xuống hạng II**	**Bổ nhiệm từ hạng II xuống hạng III**
Cơ sở giáo dục mầm non			0
Cơ sở giáo dục tiểu học			2
Cơ sở giáo dục THCS			3
Tổng cộng			5

(Gửi kèm Báo cáo này Phụ lục 2 thống kê số liệu cấp mầm non, tiểu học, trung học cơ sở).

Ủy ban nhân dân xã Đại Đồng trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Phòng VH-XH;
- Lưu VT.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ ĐẠI ĐỒNG T.HƯNG YÊN

Trần Văn Thành